

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HS-ST

Ngày: 11-3-2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Văn Triển.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Hà Minh Châu;

+ Ông Nguyễn Ngọc Nhi.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Phương Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Lê Hồng Phúc, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Võ Văn T, sinh năm 1989, tại tỉnh Tây Ninh; cư trú tại: Ấp T1, xã T2, Huyện T3, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Võ V, sinh năm 1962 và bà Phạm Thị A, sinh năm 1964; có vợ là Dương Trần N, sinh năm 1991; con có 01 người, sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự lần nào và chưa bị xử lý vi phạm hành D3nh lần nào; bị bắt tạm giam ngày 09-11-2018 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. Đặng Q, sinh năm 1990, tại tỉnh Tây Ninh; cư trú tại: Ấp Q1, xã Q2, huyện Q3, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Văn H, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1967; có vợ là Nguyễn Y, sinh năm 1990, đã ly hôn năm 2015; con có 01 người, sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự lần nào và chưa bị xử lý vi phạm hành D3nh lần nào; bị bắt tạm giam ngày 09-11-2018 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Võ Văn T:* Ông T4, Luật sư - Văn phòng Luật sư T5, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đặng Q:* Bà Q4, Luật sư - Văn phòng Luật sư Q5, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Bị hại:* Công ty B, địa chỉ: Số 93, đường B1, phường B2, Quận B3, Thành phố Hồ D3 Minh.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:* Ông Nguyễn C, sinh năm 1982; nơi cư trú: Số 93, đường B1, phường B2, Quận 1, Thành phố Hồ D3 Minh; theo văn bản ủy quyền ngày 06-3-2017; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà D, sinh năm 1990; nơi cư trú: Khu phố T6, thị trấn T5, Huyện T3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. Ông D1, sinh năm 1990; nơi cư trú: Ấp A1, xã A2, Huyện T3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. Ông D2, sinh năm 1979; nơi cư trú: Ấp N1, phường N2, thành phố N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

4. Ông D3, sinh năm 1992; nơi cư trú: Ấp H1, xã A2, Huyện T3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

5. Ông D4, sinh năm 1994; nơi cư trú: Ấp H2, xã H3, huyện Q3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

6. Ông D5, sinh năm 1991; nơi cư trú: Ấp H2, xã H3, huyện Q3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

7. Ông D6, sinh năm 1995; nơi cư trú: Ấp H4, xã H3, huyện Q3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

8. Bà D7 (đại lý D7), sinh năm 1976, nơi cư trú: Ấp G, xã G1, huyện G2, Thành phố Hồ D3 Minh; có mặt.

9. Bà D8 (đại lý D8), sinh năm 1965; nơi cư trú: Khu phố G3, thị trấn G4, huyện G5, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

10. Ông D9 (đại lý D9), sinh năm 1967; nơi cư trú: Ấp Đ1, xã Đ2, huyện Đ3, tỉnh Tây Ninh; yêu cầu xét xử vắng mặt.

11. Ông D10 (đại lý D10), sinh năm 1971; nơi cư trú: Ấp M1, xã M2, huyện M3, Thành phố Hồ D3 Minh; có mặt.

12. Bà D11 (đại lý D11), sinh năm 1976; nơi cư trú: Ấp M4, xã M5, Huyện T3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

13. Ông D12 (đại lý D12), sinh năm 1972; nơi cư trú: Ấp K1, xã Q2, huyện Q3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

14. Ông D13 (đại lý D13), sinh năm 1980; nơi cư trú: Ấp K2, xã K3, huyện K4, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

15. Ông D14 (đại lý D14), sinh năm 1963; nơi cư trú: Ấp K5, xã K6, huyện Đ3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

16. Bà D15 (đại lý D15), sinh năm 1969; nơi cư trú: Ấp K7, xã K8, huyện Đ3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

17. Ông D16 (đại lý D16), sinh năm 1963; nơi cư trú: Ấp K9, xã K10, huyện Đ3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

18. Ông D17 (đại lý D17); nơi cư trú: Khu phố G3, thị trấn T5, Huyện T3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

19. Bà D18 (đại lý D18), sinh năm 1959; nơi cư trú: Ấp R1, xã R2, Huyện T3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

20. Bà D19 (đại lý D19), sinh năm 1964; nơi cư trú: Ấp R3, xã R4, huyện R5, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

21. Ông D20 (đại lý 20), sinh năm 1979; nơi cư trú: Ấp R6, xã R4, huyện R5, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

22. Bà D21 (đại lý D21); sinh năm 1978; nơi cư trú: Ấp Y1, xã Y2, huyện R5, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

23. Ông D22 (đại lý D22), sinh năm 1962; nơi cư trú: Ấp Y3, xã Q2, huyện Q3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

24. Ông D23 (đại lý D23), sinh năm 1950; nơi cư trú: Ấp Y4, xã Y5, huyện Q3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

25. Ông D24 (đại lý D24), sinh năm 1970; nơi cư trú: Ấp Y1, xã Y2, huyện R5, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

26. Ông D25 (đại lý D25), sinh năm 1965; nơi cư trú: Ấp Y6, xã Y7, huyện R5, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

27. Bà D26 (đại lý D26), sinh năm 1966; nơi cư trú: Khu phố G3, thị trấn Y8, huyện R5, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

28. Bà D27 (đại lý D27), sinh năm 1962; nơi cư trú: Ấp H1, xã Y9, Huyện T3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

29. Bà D29 (đại lý D29); sinh năm 1984; nơi cư trú: Ấp Y1, xã Y2, huyện R5, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

30. Bà D30 (đại lý D30), sinh năm 1972; nơi cư trú: Ấp B1, xã B2, huyện R5, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

31. Bà D31 (đại lý D31), sinh năm 1991; nơi cư trú: Ấp Y1, xã Y2, huyện R5, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

32. Ông D32 (đại lý D32), sinh năm 1983; nơi cư trú: Ấp Y1, xã Y2, huyện R5, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

33. Ông D33 (đại lý D33), sinh năm 1989; nơi cư trú: Ấp B3, xã B4, huyện R5, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

34. Ông D34 (đại lý D34), sinh năm 1980; nơi cư trú: Ấp K2, xã K3, huyện K4, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

35. Ông D35 (đại lý D35), sinh năm 1980; nơi cư trú: Ấp B5, xã B6, huyện R5, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Công ty TNHH B (gọi tắt là Công ty B) được thành lập năm 1999, trụ sở D3nh tại số C1, đường C2, phường C3, quận C4, thành phố Cần Thơ do ông C5 làm Tổng giám đốc. Ngành nghề kinh doanh là sản xuất, buôn bán thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp. Ngày 25-5-2015, Công ty B thành lập Chi nhánh Tây Ninh tại ấp A1, xã A2, Huyện T3, tỉnh Tây Ninh, do D2, sinh năm 1979, ngụ khu phố C6, Phường C7, thành phố N3 làm Giám đốc chi nhánh.

Chi nhánh Tây Ninh hoạt động bán hàng tại khu vực Tây Ninh, Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện kinh doanh theo ủy quyền và là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty B, không có kinh phí hoạt động riêng, các chi phí hoạt động như lương nhân viên, điện, nước, chi phí hành D3nh ... do Công ty B trực tiếp quản lý, quyết định và chi trả.

Trong năm 2016, tại Chi nhánh Tây Ninh có 08 nhân viên làm việc (do Công ty B thuê và ký kết hợp đồng lao động) gồm: Võ Văn T được bổ nhiệm làm Giám đốc Chi nhánh ngày 02-3-2016 (thay cho D2); D – Kế toán; D1– Thủ kho và 05 nhân viên bán hàng là Đặng Q, D3, D4, D5, D6.

\* Quy định số 26 ngày 05-4-2014 của Công ty B về trách nhiệm nhân viên như sau:

- Về bán hàng: Không được bán giá thấp hơn giá công ty đưa ra; không bán sản phẩm công ty khác; không lấy hàng công ty bán ra bên ngoài.

- Về thu tiền: Tiền thu được từ đại lý, ngay trong ngày phải nộp ngay vào tài khoản công ty. Những khoản tiền thu được từ nhân viên nộp về, kế toán chi nhánh phải sắp xếp nộp ngay trong ngày vào tài khoản ngân hàng của Công ty. Trường hợp không nộp kịp thì phải báo cáo cho giám đốc chi nhánh và chuyển khoản về công ty vào sáng ngày hôm sau.

- Theo hợp đồng trách nhiệm được ký kết giữa công ty và các nhân viên bán hàng quy định:

- + Chịu trách nhiệm về hàng hóa và công nợ do mình quản lý và chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với tổn thất xảy ra.

- + Cam kết chỉ bán hàng đúng đối tượng và đúng giá được ghi theo hợp đồng mua bán giữa bên Công ty và khách hàng theo địa bàn quản lý.

- + Trong trường hợp khách hàng trả nợ bằng tiền mặt thì sau khi nhận tiền, nhân viên bán hàng phải nộp vào tài khoản Công ty ngay trong ngày, trong trường hợp không kịp thì chậm nhất là đến 12 giờ trưa hôm sau và báo ngay cho kế toán phụ trách công nợ biết.

Ngày 19-12-2016, Công ty B theo dõi qua hệ thống kế toán, xác định công nợ do Chi nhánh Tây Ninh phụ trách lên đến 13.426.900.818 đồng chưa thu nộp nên tiến hành rà soát kiểm tra. Qua kiểm tra, Công ty B xác định trách nhiệm của từng nhân viên trong tổng số công nợ như sau: Đặng Q: 2.258.000.000 đồng, D3: 822.875.000 đồng, D6: 658.166.000 đồng, D5: 322.810.000 đồng,

D4: 286.792.000 đồng, Võ Văn T: 9.078.257.818 đồng. Các nhân viên giải trình, kê khai danh sách đại lý còn thực nợ và kế hoạch trả nợ (theo biên bản họp ngày 21-12-2016). Đối với các nhân viên D3, C7, D2, D4 đã thu hồi công nợ nộp về Công ty; riêng Võ Văn T, Đặng Q có hành vi kê khai gian dối công nợ các đại lý để chiếm đoạt tiền Công ty nên ngày 06-02-2017, ông C5 - Tổng Giám đốc Công ty B gửi đơn tố cáo hành vi của Võ Văn T, Đặng Q.

Quá trình điều tra xác định:

I/ Hành vi phạm tội của Võ Văn T:

Tháng 3-2013, Công ty B ký kết hợp đồng lao động với Võ Văn T, phân công làm việc tại văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó chuyển về làm việc tại Chi nhánh Tây Ninh với vị trí nhân viên bán hàng. Ngày 02-3-2016, Võ Văn T được bổ nhiệm làm Giám đốc, phụ trách quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Tây Ninh; T lợi dụng trách nhiệm được giao, đã chiếm đoạt tiền của Công ty B với thủ đoạn:

+ Chỉ đạo nhân viên đem hàng hóa bán cho nhiều đại lý trong và ngoài hệ thống, bán giá thấp hơn giá công ty quy định nhằm đẩy nhanh số lượng hàng hóa bán ra. Sau đó, T tự ấn định số lượng hàng hóa mua cho một đại lý trong hệ thống và chỉ đạo kế toán xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho đại lý để Công ty theo dõi thấy có đại lý đã đạt doanh số mua, từ đó giao các khoản thưởng, khuyến mãi về cho Chi nhánh. T lấy giá trị các khoản thưởng, khuyến mãi để bù vào giá bán thấp hơn giá công ty quy định để duy trì hoạt động kinh doanh của Chi nhánh và nhằm để Công ty không phát hiện việc T tự ý hạ giá bán hàng hóa.

+ Công ty quy định khi đại lý thanh toán công nợ, Võ Văn T có trách nhiệm chuyển toàn bộ số tiền thu được về Công ty, ghi kèm theo tên đại lý đã trả tiền để bộ phận kế toán Công ty B giảm trừ công nợ cho các đại lý đó. Tuy nhiên, sau khi thu tiền của đại lý và nhận tiền bán hàng từ các nhân viên thu nộp về, T không nộp đầy đủ về công ty mà giữ lại một phần để sử dụng vào mục đích cá nhân và đánh bạc; sau đó, T tự cân đối công nợ các đại lý rồi chuyển trả một phần tiền về Công ty, ghi tên đại lý cụ thể nào đó là do T tự chọn nhằm kéo giảm công nợ đại lý để Công ty không phát hiện việc T chiếm đoạt tiền bán hàng; Võ Văn T kê khống công nợ của 11 đại lý với tổng số tiền 5.219.533.543 đồng, cụ thể:

1. Đại lý D36, địa chỉ: Ấp C7, xã C8, huyện C9, Thành phố Hồ Chí Minh: 1.534.000.000 đồng (đại lý cấp 1);

2. Đại lý D8, địa chỉ: Khu phố G3, thị trấn G4, huyện G5, tỉnh Tây Ninh: 1.043.749.137 đồng (đại lý cấp 1);

3. Đại lý D9, địa chỉ: Ấp Đ1, xã Đ2, huyện Đ3, tỉnh Tây Ninh: 972.006.000 đồng (đại lý cấp 1);

4. Đại lý D10, địa chỉ: Số 359, đường Bình Mỹ, Ấp M1, xã M2, huyện M3, Thành phố Hồ Chí Minh: 403.945.406 đồng;

5. Đại lý D11, địa chỉ: Ấp M4, xã M5, Huyện T3, tỉnh Tây Ninh: 158.000.000 đồng;

6. Đại lý D12, địa chỉ: Ấp K1, xã Q2, huyện Q3, tỉnh Tây Ninh: 80.000.000 đồng;

7. Đại lý D13, địa chỉ: Ấp K2, xã K3, huyện K4, tỉnh Tây Ninh: 190.833.000 đồng;

8. Đại lý D14, địa chỉ: Ấp K5, xã K6, huyện Đ3, tỉnh Tây Ninh: 211.000.000 đồng;

9. Đại lý D15, địa chỉ: Ấp K7, xã K8, huyện Đ3, tỉnh Tây Ninh: 180.000.000 đồng.

10. Đại lý D16, địa chỉ: Ấp K9, xã K10, huyện Đ3, tỉnh Tây Ninh: 230.000.000 đồng;

11. Đại lý D17, địa chỉ: Khu phố G3, thị trấn T5, Huyện T3, tỉnh Tây Ninh: 216.000.000 đồng.

Qua xác minh 11 đại lý do T kê khai và 34 đại lý khác do T phụ trách, tất cả các đại lý xác định không còn nợ tiền hàng của T. Kết quả đối chiếu chứng từ, sổ sách giao nhận, sổ kho, lời trình bày các nhân viên tại Chi nhánh Tây Ninh và lời khai của T, xác định Võ Văn T đã chiếm đoạt của Công ty B số tiền 5.995.518.769 đồng.

Số tiền Võ Văn T chiếm đoạt được xác định bằng: Tổng giá trị hàng hóa T đã nhận từ Công ty để bán và có trách nhiệm thanh toán là 35.892.033.568 đồng - (trừ đi) tổng số tiền T đã chuyển trả về Công ty và được Công ty chấp nhận giảm trừ là 29.896.514.799 đồng.

## II/ Hành vi phạm tội của Đặng Q

Ngày 01-4-2016, Công ty B ký kết hợp đồng lao động với Đặng Q, phân công làm việc tại Chi nhánh Tây Ninh với vị trí nhân viên bán hàng phụ trách địa bàn huyện K4, Châu Thành, Trảng Bàng, Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Q lợi dụng trách nhiệm được giao, khi nhận được tiền bán hàng từ các đại lý trên địa bàn phụ trách, Q không nộp đầy đủ về cho Công ty mà chiếm đoạt tiêu xài cá nhân.

Ngày 21-12-2016, khi bị Công ty B kiểm tra đối chiếu công nợ; nhằm tránh sự phát hiện, nghi ngờ của Công ty về việc đã chiếm đoạt tiền, Đặng Q kê khống công nợ của 17 đại lý với tổng số tiền 2.258.000.000 đồng, cụ thể:

1. Đại lý D18, địa chỉ: Ấp R1, xã R2, Huyện T3, tỉnh Tây Ninh: 127.200.000 đồng.

2. Đại lý D19, địa chỉ: Ấp R3, xã R4, huyện R5, tỉnh Tây Ninh: 125.000.000 đồng.

3. Đại lý D20, địa chỉ: Ấp R6, xã R4, huyện R5, tỉnh Tây Ninh: 23.000.000 đồng.

4. Đại lý D21, địa chỉ: Ấp Y1, xã Y2, huyện R5, tỉnh Tây Ninh: 46.780.000 đồng.

5. Đại lý D22, địa chỉ: Ấp Y3, xã Q2, huyện Q3, tỉnh Tây Ninh: 124.000.000 đồng.

6. Đại lý D23, địa chỉ: Ấp Y4, xã Y5, huyện Q3, tỉnh Tây Ninh: 133.620.000 đồng.

7. Đại lý D24, địa chỉ: Ấp Y1, xã Y2, huyện R5, tỉnh Tây Ninh: 82.400.000 đồng.

8. Đại lý D25, địa chỉ: Ấp Y6 1, xã Y7, huyện R5, tỉnh Tây Ninh: 92.000.000 đồng.

9. Đại lý D26, địa chỉ: Khu phố G3, thị trấn Y8, huyện R5, tỉnh Tây Ninh: 85.000.000 đồng.

10. Đại lý D27, địa chỉ: Ấp H1, xã Y9, Huyện T3, tỉnh Tây Ninh: 86.000.000 đồng.

11. Đại lý D28, địa chỉ: Ấp Y1, xã Y2, huyện R5, tỉnh Tây Ninh: 150.000.000 đồng.

12. Đại lý D30, địa chỉ: Ấp B1, xã B2, huyện R5, tỉnh Tây Ninh: 216.000.000 đồng.

13. Đại lý D31, địa chỉ: Ấp Y1, xã Y2, huyện R5, tỉnh Tây Ninh: 200.000.000 đồng.

14. Đại lý D32, địa chỉ: Ấp Y1, xã Y2, huyện R5, tỉnh Tây Ninh: 118.000.000 đồng.

15. Đại lý D33, địa chỉ: Ấp B3, xã B4, huyện R5, tỉnh Tây Ninh: 236.000.000 đồng.

16. Đại lý D34, địa chỉ: Ấp K2, xã K3, huyện K4, tỉnh Tây Ninh: 157.000.000 đồng.

17. Đại lý 35, địa chỉ: Ấp B5, xã B6, huyện R5, tỉnh Tây Ninh: 203.000.000 đồng.

Qua xác minh 17 đại lý do Q kê khai và 8 đại lý khác do Q phụ trách xác định chỉ có 07 đại lý thực nợ tiền mua hàng của Q là 136.610.000 đồng, số tiền này Công ty đã giảm trừ khi Q nghỉ việc. Kết quả đối chiếu chứng từ, sổ sách giao nhận, sổ kho, lời trình bày các nhân viên tại Chi nhánh Tây Ninh và lời khai của Q, xác định Đặng Q đã chiếm đoạt của Công ty B số tiền 1.827.579.314 đồng.

Số tiền Q chiếm đoạt được xác định bằng: Tổng giá trị hàng hóa Q đã nhận để bán và có trách nhiệm thanh toán là 3.906.809.314 đồng – (trừ đi) tổng số tiền Q đã thanh toán cho Công ty và được Công ty chấp nhận giảm trừ là 2.079.230.000 đồng. Đặng Q chưa khắc phục số tiền chiếm đoạt cho Công ty.

Tại Cáo trạng số: 01/CT-VKS-P3, ngày 10 tháng 01 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo Võ Văn T, Đặng Q về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, theo khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Võ Văn T, Đặng Q đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị:

+ Căn cứ vào khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Văn T từ 14 đến 16 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

+ Căn cứ vào khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Q từ 12 đến 13 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

+ Buộc bị cáo Võ Văn T có trách nhiệm bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho Công ty B số tiền 5.995.518.769 đồng. Ghi nhận gia đình bị cáo đã nộp 100.000.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

+ Buộc bị cáo Đặng Q có trách nhiệm bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho Công ty B số tiền 1.827.579.314 đồng.

Đồng thời xử lý vật chứng theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Võ Văn T trình bày:

Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo Võ Văn T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, theo khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã tỏ ra ăn năn hối cải, thành khẩn nhận tội, tự khai ra các lần phạm tội trước đó, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án và bị cáo có tác động gia đình nộp 100.000.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh để khắc phục một phần hậu quả; bị cáo có cha là ông Võ V có thời gian tham gia quân đội ở Tiểu đoàn 14 Tây Ninh từ năm 1981-1983, hiện đang tham gia Hội Cựu chiến binh xã Lộc Ninh; từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm b, r, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Đặng Q trình bày: Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo Đặng Q về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, theo khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn nhận tội, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, vì có thời gian phục vụ tại địa phương tham gia trong tổ tuần tra nhân dân từ năm 2013-2015; từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Các bị cáo không tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo Võ Văn T: Bị cáo đã thấy được lỗi lầm do mình gây ra, xin lỗi Công ty B và các đại lý; mong được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ để sớm trở về lo cho gia đình, cha mẹ và vợ con.

Lời nói sau cùng của bị cáo Đặng Q: Bị cáo xin lỗi Công ty B và các đại lý; mong được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ để sớm trở về lo cho gia đình và tái hòa nhập cộng đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Tây Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa cho các bị cáo và các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về

hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Võ Văn T, Đặng Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố; xét lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án; có cơ sở xác định: Trong năm 2016, Võ Văn T là Giám đốc và Đặng Q là nhân viên bán hàng của Công ty B, Chi nhánh Tây Ninh, đã lợi dụng trách nhiệm được giao cộng với sự quản lý lỏng lẻo của Công ty B, trong khi bán hàng hóa đã bán thấp hơn giá Công ty quy định để hưởng các khoản lợi từ Công ty B giao và sau khi thu tiền bán hàng từ các đại lý mà mình phụ trách, sau đó các bị cáo đã không nộp lại đầy đủ cho Công ty theo quy định mà giữ lại một phần để sử dụng cho mục đích cá nhân. Khi bị kiểm tra, nhằm tránh sự phát hiện của Công ty B, Võ Văn T, Đặng Q đã đối phó bằng cách kê khai gian dối công nợ của nhiều đại lý để khớp số tiền chiếm đoạt; cụ thể Võ Văn T kê khai gian dối công nợ của 11 đại lý chiếm đoạt 5.995.518.769 đồng và Đặng Q kê khai gian dối công nợ của 17 đại lý chiếm đoạt 1.827.579.314 đồng. Xét lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Võ Văn T, Đặng Q phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, theo khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

[3] Vụ án mang tính chất đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, mang tính liên tục nhiều lần và xảy ra trong một thời gian dài, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm ảnh hưởng đến nguồn vốn kinh doanh của Công ty B, đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần nghiêm trị để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[4] Khi quyết định hình phạt, có xem xét:

+ Bị cáo Võ Văn T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có tác động gia đình nộp 100.000.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh để khắc phục một phần hậu quả; bị cáo có cha là ông Võ V có thời gian tham gia quân đội ở Tiểu đoàn 14 Tây Ninh từ năm 1981-1983, hiện đang tham gia Hội Cựu chiến binh xã Lộc Ninh; đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

+ Bị cáo Đặng Q đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, vì có thời gian phục vụ tại địa phương tham gia trong tổ tuần tra nhân dân từ năm 2013-2015; đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

+ Ngoài ra, các bị cáo Võ Văn T, Đặng Q có một tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Các biện pháp tư pháp: Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

5.1. Buộc bị cáo Võ Văn T phải có trách nhiệm bồi thường cho Công ty B số tiền 5.995.518.769 đồng; ghi nhận gia đình bị cáo đã nộp 100.000.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Như vậy, bị cáo T còn phải bồi thường là 5.895.518.769 đồng.

5.2. Buộc bị cáo Đặng Q phải có trách nhiệm bồi thường cho Công ty B số tiền 1.827.579.314 đồng.

[6] Về vật chứng: Căn cứ vào vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tạm giữ 01 (một) máy tính xách tay hiệu ASUS, màu đen số seri: F9N0WU04305036 của Võ Văn T để bảo đảm việc thi hành án.

+ Trả lại cho bị cáo Võ Văn T 01 thẻ ATM số 9704-0507-6331-4296 mở tại Ngân hàng Agribank.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của người bào chữa; chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[8] Về án phí:

[8.1] Theo quy định tại điểm a, c, g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; do bị kết án nên bị cáo T và bị cáo Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[8.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền đã buộc bồi thường, cụ thể:

+ Bị cáo Võ Văn T phải chịu là: 112.000.000 đồng +  $[0,1\% \text{ của phần giá trị tài sản tranh chấp vượt } 4.000.000.000 \text{ đồng } (1.895.518.769 \text{ đồng} \times 0,1\% = 1.895.518 \text{ đồng})] = 113.895.000 \text{ đồng (làm tròn số)}$ .

+ Bị cáo Đặng Q phải chịu là: 36.000.000 đồng +  $(1.027.579.314 \times 3\%) = 66.827.000 \text{ đồng (làm tròn số)}$ .

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Văn T 15 (mười lăm) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 09-11-2018.

2. Căn cứ vào khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Q 12 (mười hai) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 09-11-2018.

3. Các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

3.1. Buộc bị cáo Võ Văn T có trách nhiệm bồi thường cho Công ty B số tiền 5.995.518.769 (năm tỷ, chín trăm chín mươi lăm triệu, năm trăm mười tám

ngàn, bảy trăm sáu mươi chín) đồng. Ghi nhận gia đình bị cáo đã nộp 100.000.000 (một trăm triệu) đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh theo Biên lai thu số 0000402 ngày 26-02-2019. Như vậy, bị cáo T còn phải bồi thường là 5.895.518.769 (năm tỷ, tám trăm chín mươi lăm triệu, năm trăm mười tám ngàn, bảy trăm sáu mươi chín) đồng.

3.2. Buộc bị cáo Đặng Q có trách nhiệm bồi thường cho Công ty B số tiền 1.827.579.314 (một tỷ, tám trăm hai mươi bảy triệu, năm trăm bảy mươi chín ngàn, ba trăm mười bốn) đồng.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Về vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tạm giữ 01 (một) máy tính xách tay hiệu ASUS, màu đen số seri: F9N0WU04305036 của Võ Văn T để bảo đảm việc thi hành án. Trường hợp người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì Chấp hành viên xử lý tiền, tài sản đó để thi hành án theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 126 của Luật Thi hành án dân sự. Trường hợp người phải thi hành án đã tự nguyện thi hành án xong thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định trả lại tiền, tài sản tạm giữ theo quy định tại đoạn 1 khoản 1 Điều 126 của Luật Thi hành án dân sự.

+ Trả lại cho bị cáo Võ Văn T 01 thẻ ATM số 9704-0507-6331-4296 mở tại Ngân hàng Agribank.

(Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 10-01-2019)

6. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c, g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

6.1. Bị cáo T và bị cáo Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm;

6.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bị cáo Võ Văn T phải chịu: 113.895.000 (một trăm mười ba triệu, tám trăm chín mươi lăm ngàn) đồng.

+ Bị cáo Đặng Q phải chịu: 66.827.000 (sáu mươi sáu triệu, tám trăm hai mươi bảy ngàn) đồng.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

8. Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, báo cho các bên biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú.

***Nơi nhận:***

- Vụ 1 GĐKT. TANDTC;
- TANDCC tại TP. HCM;
- VKSNDCC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VP. CQCSĐT CA tỉnh;
- Phòng PV 27 CA tỉnh Tây Ninh;
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh;
- Trại Tạm giam;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án HSST.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Mai Văn Triển**